



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản pháp lý liên quan đến thành lập Tổng Công ty

Quyết định số 250/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con.

Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

0100104595

Ngày 15 tháng 10 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104595 ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Lê Công Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Q. Tổng Giám đốc
Ông Lê Triều Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Chúng tôi đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-09-2017, được trình bày từ trang 10 đến trang 71.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại phần "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

(i) Khả năng thu hồi của các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác và trả trước cho người bán dài hạn có các khoản phải thu có giá trị ghi sổ lần lượt 20 tỷ VND, 15,5 tỷ VND, 538 tỷ VND và 49 tỷ VND là các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu từ các công ty đang làm thủ tục phá sản và một số cá nhân liên quan đến vụ án Ụ nổi 83M đã quá hạn. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Tổng Công ty chưa tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của những khoản phải thu này. Chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của những khoản phải thu đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với thu nhập khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như đối với phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác và trả trước cho người bán dài hạn, dự phòng các khoản phải thu khó đòi và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Hàng tồn kho

Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty và các công ty con sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 243 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Do số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và một số công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, đối với giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty và các công ty con sau ngày 31 tháng 12 năm 2016, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty và một số công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 188 tỷ VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, đối với các khoản mục hàng tồn kho - nguyên vật liệu và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày.



(iii) Thư xác nhận

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập được xác nhận phục vụ mục đích kiểm toán từ các bên thứ ba cho một số khoản tiền, phải thu ngắn hạn khác, lãi vay phải trả, vay ngắn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng là 12 tỷ VND, 178 tỷ VND (1/1/2016: 184 tỷ VND), 2.344 tỷ VND (1/1/2016: 1.344 tỷ VND), 755 tỷ VND (1/1/2016: 5.755 tỷ VND). Trong đó, chúng tôi đã thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu và tính chính xác đối với các khoản vay ngắn và dài hạn với số dư là 755 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 5.755 tỷ VND); tuy nhiên chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính đầy đủ của các khoản mục này. Đối với các khoản mục còn lại, chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh đối với các khoản mục tiền, phải thu ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn, vay ngắn và dài hạn và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và năm 2015 và các khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho các năm kết thúc cùng ngày, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi nhận được đầy đủ xác nhận cho các khoản mục nêu trên.

(iv) Phải thu ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn

Như được trình bày tại Thuyết minh 9 trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2015, cùng với việc chuyển giao Tàu Container 1730 TEU V22 ("Dự án đóng tàu") từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông ("Biển Đông"), một công ty con của Tổng Công ty, sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng ("Bạch Đằng") theo sự phê duyệt của Bộ Giao thông Vận tải, Biển Đông đã thực hiện cản trừ số dư lãi vay 323 tỷ VND phải thu từ Bạch Đằng với số dư tương ứng phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") được ghi nhận trên tài khoản chi phí phải trả. Đây là số lãi vay phát sinh liên quan đến các khoản vay được dùng để tài trợ cho Dự án đóng tàu nhưng đã quá hạn (phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010, ngày có quyết định dừng việc đóng tàu), do đó không thỏa mãn điều kiện được vốn hóa vào giá trị của Dự án đóng tàu.

Ngày 5 tháng 8 năm 2015, Biển Đông và Bạch Đằng đã hoàn tất việc chuyển giao tàu, các khoản vay và lãi vay liên quan. Tại ngày của báo cáo này, việc chuyển giao khoản lãi vay trên giữa Biển Đông và Bạch Đằng với VFC vẫn chưa hoàn thành nên việc cản trừ số lãi vay nêu trên của Biển Đông là chưa có cơ sở. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản mục phải thu ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn đang đều bị ghi thiếu cùng một khoản là 323 tỷ VND (1/1/2016: 323 tỷ VND).



(v) Tài sản cố định hữu hình

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Cảng Hải Phòng"), một công ty con của Tổng Công ty, là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Cảng Hải Phòng. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014, thời điểm Cảng Hải Phòng chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Cảng Hải Phòng ghi nhận giá trị các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Cảng Hải Phòng nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Cảng Hải Phòng tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn Nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (Thời điểm 24h, ngày 30 tháng 6 năm 2014)" được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty ("Biên bản"). Theo đó, trong năm 2016, Cảng Hải Phòng đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA có gốc vay bằng đồng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo Biên bản có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá hối đoái tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá thực tế giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu ngắn hạn khác, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng hóa, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(vi) Xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản mục xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty có một số dự án với tổng giá trị ghi sổ là 401 tỷ VND (1/1/2016: 394 tỷ VND) mà việc thực hiện các dự án này đang bị chậm trễ đáng kể. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin liên quan tới việc liệu các lợi ích kinh tế trong tương lai mà Tổng Công ty có thể thu được từ các dự án nói trên có thể bù đắp các chi phí đã phát sinh hay không. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định được liệu các khoản mục xây dựng cơ bản dở dang này có đủ điều kiện ghi nhận là tài sản hay không cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 và các khoản mục chi phí khác và lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.



(vii) Phải trả ngắn hạn khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (“Hậu Giang”), một công ty con của Tổng Công ty, xóa sổ khoản phải trả ngắn hạn khác – chi phí lãi vay với số tiền 232 tỷ VND đối với Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy (“SBIC”) và ghi nhận giảm tài sản cố định vô hình – nguyên giá, xây dựng cơ bản dở dang, chi phí trả trước dài hạn và chi phí tài chính với số tiền lần lượt là 127 tỷ VND, 17 tỷ VND, 77 tỷ VND và 11 tỷ VND. Tại ngày của báo cáo này, Hậu Giang và SBIC vẫn chưa có văn bản thống nhất về việc xóa sổ khoản lãi vay phải trả nêu trên nên việc xóa sổ số lãi vay phải trả này của Hậu Giang là chưa có cơ sở. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định vô hình – nguyên giá, xây dựng cơ bản dở dang, chi phí trả trước dài hạn, phải trả ngắn hạn khác và lỗ lũy kế bị ghi nhận thiếu lần lượt là 127 tỷ VND, 17 tỷ VND, 77 tỷ VND, 232 tỷ VND và 11 tỷ VND và cho năm kết thúc cùng ngày, chi phí tài chính bị ghi nhận thiếu và lợi nhuận sau thuế TNDN bị ghi nhận thừa với cùng một số tiền là 11 tỷ VND.

(viii) Hợp nhất thông tin tài chính của các công ty con và công ty liên kết và các nghĩa vụ liên quan đến các công ty con sẽ thực hiện phá sản

- Trong tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty đã thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc, một công ty con của Tổng Công ty, theo đó, khoản đầu tư vào công ty con này được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết. Trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã ngừng hợp nhất thông tin tài chính của công ty con này từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ghi nhận một khoản lãi 45 tỷ VND từ việc thanh lý này. Tuy nhiên, khoản lãi thuần này đang được tính bằng cách so sánh số tiền thực nhận từ việc thanh lý với phần thuộc Tổng Công ty trong nợ phải trả thuần (chưa được kiểm toán) của công ty con này tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, thay vì so sánh với phần thuộc Tổng Công ty trong nợ phải trả thuần của công ty con bị thanh lý tại ngày thanh lý. Ngoài ra, theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con này sẽ được bao gồm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho tới ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con này là ngày thoái vốn trong tháng 10 năm 2015. Tại ngày và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày thanh lý, thông tin tài chính của công ty con này chưa được kiểm toán, với giá trị ghi sổ của tổng tài sản tại ngày thanh lý và lỗ trước thuế từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày thanh lý của công ty con này lần lượt là 2.652 tỷ VND và 402 tỷ VND. Chúng tôi đã không có được những điều kiện cần thiết để tiến hành các thủ tục kiểm toán để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số liệu tài chính của công ty con này tại ngày thanh lý. Do đó, ảnh hưởng của việc tính khoản lãi thuần từ việc thanh lý công ty con bằng cách so sánh số tiền thực nhận từ việc thanh lý với phần thuộc Tổng Công ty trong nợ phải trả thuần (chưa được kiểm toán) của công ty con này tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và việc ngừng hợp nhất thông tin tài chính của công ty con này tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016 chưa được xác định và điều chỉnh tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



- Vào các ngày 8 tháng 12 năm 2015, 10 tháng 12 năm 2015 và 25 tháng 12 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Tòa án Nhân dân Tỉnh Cà Mau đã lần lượt tiến hành mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam ("Công ty Falcon"), Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin ("Công ty Vinashinlines") và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau ("Công ty CNTT Cà Mau"), ba công ty con của Tổng Công ty, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 51%, 100% và 100%. Kể từ các ngày này, theo Công văn số 9354/BTC-CKT ngày 7 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính, quyền kiểm soát của Tổng Công ty đối với các công ty con này không còn được đầy đủ như đối với các công ty con thông thường khác và vì vậy, không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Liên quan tới Công ty Vinashinlines, vốn đã góp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 414,3 tỷ VND (1/1/2016: 414,3 tỷ VND), tuy nhiên vốn điều lệ đăng ký của Công ty Vinashinlines, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101995707 ngày 28 tháng 6 năm 2010, là 1.500 tỷ VND. Do đó, Tổng Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty Vinashinlines tương ứng với mức vốn điều lệ đã đăng ký theo quy định trong Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 mặc dù Tổng Công ty chưa góp đủ số vốn điều lệ này.

Ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng chưa ước tính những nghĩa vụ nào khác có thể phát sinh liên quan đến việc thực hiện thủ tục phá sản đối với Công ty Vinashinlines, Công ty Falcon và Công ty CNTT Cà Mau. Chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán để xác định ảnh hưởng của việc Tổng Công ty chưa đóng góp đủ vốn vào Công ty Vinashinlines cũng như các nghĩa vụ khác của Tổng Công ty có thể phát sinh từ việc phá sản các công ty con trên đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho vấn đề này.

- Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên doanh, liên kết của các năm trước trị giá 1.062 tỷ VND đã được Ban lãnh đạo Tổng Công ty hoàn nhập vào tài khoản Lỗ lũy kế - LNST chưa phân phối năm nay trên bảng cân đối kết toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu Ban lãnh đạo Tổng Công ty loại trừ khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên doanh, liên kết vào tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, thu nhập khác sẽ giảm 1.062 tỷ VND. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản hoàn nhập dự phòng này nên được loại trừ vào tài khoản thu nhập khác trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



(ix) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.455 tỷ VND (1/1/2016: 4.847 tỷ VND). Trong số nợ ngắn hạn có các khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.796 tỷ VND (1/1/2016: 6.472 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay đã quá hạn nhưng Tổng Công ty và các công ty con chưa hoàn trả được là 4.065 tỷ VND (1/1/2016: 4.188 tỷ VND). Đồng thời, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục được sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính của các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân;
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang;
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông; và
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang.

Các công ty con nói trên chiếm một phần đáng kể trong tổng tài sản và tổng nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo Tổng Công ty nhận định rằng Tổng Công ty và các công ty con này sẽ tiếp tục hoạt động liên tục với điều kiện Tổng Công ty và các công ty con thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty và các công ty con tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của chủ sở hữu để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo chủ trương tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược, Kế hoạch đầu tư phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bao gồm chủ trương về thoái vốn tại một số công ty con và công ty liên kết và tái cơ cấu các khoản vay đã đến hạn trả hoặc quá hạn. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty và các công ty con tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của nhiều yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con như một đơn vị kinh tế thống nhất dưới cơ cấu hiện thời.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể và không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các công ty con.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành sẽ được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định thông thường của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(iii), Thuyết minh 3(e) và Thuyết minh 30 trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như được trình bày tại Thuyết minh 36 trong báo cáo tài chính hợp nhất, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không liên quan đến việc chúng tôi từ chối đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các công ty con.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-041



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2017



Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.722.121.613.182	8.499.688.432.146
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.500.490.324.384	4.010.008.629.180
Tiền	111		1.003.938.604.571	879.408.942.834
Các khoản tương đương tiền	112		1.496.551.719.813	3.130.599.686.346
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.671.945.189.255	1.214.407.527.553
Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.222.147.274
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(882.421.530)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.671.945.189.255	1.213.067.801.809
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.801.385.380.931	2.515.136.601.312
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.267.512.849.020	1.100.783.644.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		609.528.919.265	523.564.705.487
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	17.494.417.983	19.094.417.983
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	1.015.405.114.886	1.129.833.350.144
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(109.984.487.172)	(259.568.083.941)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.428.566.949	1.428.566.949
Hàng tồn kho	140	10	484.979.866.313	489.513.834.387
Hàng tồn kho	141		486.246.554.571	489.897.933.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.266.688.258)	(384.098.800)
Tài sản ngắn hạn khác	150		263.320.852.299	270.621.839.714
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	52.349.640.356	63.811.824.294
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174.155.406.622	167.091.060.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		21.970.038.634	29.520.099.403
Tài sản ngắn hạn khác	155		14.845.766.687	10.198.855.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		21.681.588.705.476	25.580.437.464.296
Các khoản phải thu dài hạn	210		437.268.107.958	662.459.481.374
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	47.175.998.691
Trả trước cho người bán dài hạn	212		31.472.266.332	191.656.981.684
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	362.544.930.000	365.057.930.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	43.250.911.626	58.799.620.799
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(231.049.800)
Tài sản cố định	220		16.858.805.739.826	20.773.841.310.922
Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.466.977.734.880	20.294.099.190.339
<i>Nguyên giá</i>	222		34.797.988.125.162	37.717.966.339.447
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.331.010.390.282)	(17.423.867.149.108)
Tài sản cố định vô hình	227	12	391.828.004.946	479.742.120.583
<i>Nguyên giá</i>	228		506.666.337.158	592.535.150.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(114.838.332.212)	(112.793.029.967)
Bất động sản đầu tư cho thuê	230	13	375.720.049.346	404.465.431.569
<i>Nguyên giá</i>	231		557.762.123.487	582.917.564.116
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(182.042.074.141)	(178.452.132.547)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.096.659.974.176	1.967.284.854.520
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.096.659.974.176	1.967.284.854.520
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.583.430.276.994	1.121.854.606.543
Đầu tư vào các công ty con	251	6(b)	488.851.370.316	488.851.370.316
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(c)	629.076.070.725	968.585.347.785
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(d)	470.702.714.376	169.329.038.122
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(5.199.878.423)	(504.981.149.680)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	70.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		329.704.557.176	650.531.779.368
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	292.651.171.058	634.116.433.862
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		36.942.578.118	15.580.975.524
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		110.808.000	834.369.982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.403.710.318.658	34.080.125.896.442

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		23.980.688.081.689	25.909.810.086.382
Nợ ngắn hạn	310		13.177.445.669.238	13.346.200.738.821
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.264.854.231.745	1.072.988.256.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107.483.548.816	100.617.337.512
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		125.344.313.316	117.829.604.876
Phải trả người lao động	314		438.860.867.676	503.030.633.886
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.592.038.248.273	3.682.030.983.907
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.971.993.938	70.550.450.095
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	652.103.551.159	1.058.748.553.459
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	19(a)	6.795.643.321.330	6.471.894.841.663
Dự phòng ngắn hạn	321		42.580.000.000	26.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		127.565.592.985	242.510.077.124
Nợ dài hạn	330		10.803.242.412.451	12.563.609.347.561
Phải trả người bán dài hạn	331		-	500.000.000
Chi phí phải trả dài hạn	333		18.236.873.262	18.665.129.922
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		87.975.698.491	88.282.352.671
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	1.251.390.306.667	1.276.801.783.383
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	19(b)	9.349.811.758.522	11.132.910.715.578
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		59.892.421.797	17.703.982.205
Dự phòng dài hạn	342		35.935.353.712	28.745.383.802

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.423.022.236.969	8.170.315.810.060
Vốn chủ sở hữu	410	20	6.423.022.236.969	8.170.315.810.060
Vốn góp	411		12.824.212.344.622	12.974.920.434.622
Vốn khác	414		87.402.342.841	70.871.113.845
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	21	(5.033.094.004.858)	(5.036.235.730.787)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	786.938.755.918	707.298.922.225
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.687.347.060.876	1.748.323.586.446
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		16.691.493.065	16.371.265.921
Lỗi lũy kế	421		(5.040.669.919.534)	(3.835.324.477.723)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.092.743.733.005)	(4.817.296.740.801)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.073.813.471	981.972.263.078
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		105.439.573.757	105.439.573.757
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		988.754.590.282	1.418.651.121.754
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.403.710.318.658	34.080.125.896.442

25 -09- 2017

Người lập:

Trần Thị Thanh Thủy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toánNguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (<i>đã điều chỉnh lại</i>)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	14.647.538.793.666	16.739.444.031.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	14.258.108.603	21.110.246.086
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	14.633.280.685.063	16.718.333.785.769
Giá vốn hàng bán	11	25	14.634.389.441.786	15.330.635.399.197
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		(1.108.756.723)	1.387.698.386.572
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	371.760.447.361	1.405.187.421.792
Chi phí tài chính	22	27	1.373.663.829.134	1.672.776.771.939
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.156.858.512.537</i>	<i>806.062.796.500</i>
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(117.340.270.581)	(433.834.889.883)
Chi phí bán hàng	25	28	79.846.664.556	125.483.524.124
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	1.069.878.013.681	1.028.022.052.841
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(2.270.077.087.314)	(467.231.430.423)
Thu nhập khác	31	30	3.013.731.959.186	1.258.117.078.230
Chi phí khác	32	31	507.274.689.731	18.303.598.117
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.506.457.269.455	1.239.813.480.113


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		236.380.182.141	772.582.049.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	183.624.210.699	229.022.789.044
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	19.566.836.998	17.585.026.235
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.189.134.444	525.974.234.411
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu công ty mẹ	61		94.859.503.047	684.389.303.461
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(61.670.368.603)	(158.415.069.050)

Người lập:


 Trần Thị Thanh Thủy
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Lương Đình Minh
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND (đã điều chỉnh lại)	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Giảm do thoái vốn, giải thể, phá sản VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
Thuế	10	88.197.164.424	864.134.997.450	(845.048.016.601)	(3.902.152.252)	103.381.993.021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	26.394.577.905	507.935.828.367	(506.066.020.309)	(1.676.071.551)	26.588.314.412
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	1.241.262.601	(1.241.262.601)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	13	-	462.357.990	(462.357.990)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	46.202.505.465	184.027.637.088	(180.818.703.393)	(776.914.474)	48.634.524.686
Thuế nhà đất	17	3.565.131.350	53.773.304.768	(46.892.256.805)	(649.545.000)	9.796.634.313
Tiền thuê đất	18	2.844.614.636	37.786.272.812	(36.604.873.664)	-	4.026.013.784
Các loại thuế khác	19	9.190.335.068	78.908.333.824	(72.962.541.839)	(799.621.227)	14.336.505.826
<i>Thuế môn bài</i>		<i>101.983.011</i>	<i>1.486.811.123</i>	<i>(1.565.701.893)</i>	<i>-</i>	<i>23.092.241</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>(3.662.928.568)</i>	<i>40.792.068.216</i>	<i>(32.913.323.544)</i>	<i>(6.407.037)</i>	<i>4.209.409.067</i>
<i>Các loại thuế khác</i>		<i>12.751.280.625</i>	<i>36.629.454.485</i>	<i>(38.483.516.402)</i>	<i>(793.214.190)</i>	<i>10.104.004.518</i>
Các khoản phải nộp khác	30	112.341.049	20.829.590.472	(20.956.485.196)	6.835.336	(7.718.339)
Các khoản phí, lệ phí	32	(1.835.336)	822.674.594	(506.215.094)	6.835.336	321.459.500
Các khoản khác	33	114.176.385	20.006.915.878	(20.450.270.102)	-	(329.177.839)
	40	88.309.505.473	884.964.587.922	(866.004.501.797)	(3.895.316.916)	103.374.274.682

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Trong đó:		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(21.970.038.634)	(29.520.099.403)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	125.344.313.316	117.829.604.876

25 -09- 2017

Người lập:


Trần Thị Thanh Thủy
Kế toán tổng hợp



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Cảnh Tinh
Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	236.380.182.141	772.582.049.690
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.443.599.178.299	2.453.235.083.657
Các khoản dự phòng	03	(1.679.946.849.251)	49.422.702.930
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	149.971.379.481	535.603.637.300
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	237.987.179.649	(1.883.860.264.083)
Chi phí lãi vay	06	1.156.858.512.537	806.062.796.500
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.544.849.582.856	2.733.046.005.994
Biến động các khoản phải thu	09	(488.000.856.727)	(671.315.746.327)
Biến động hàng tồn kho	10	650.766.120.242	160.499.024.230
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	160.354.792.234	(1.176.507.427.022)
Biến động chi phí trả trước	12	254.287.965.593	148.699.219.899
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	2.222.147.274	2.968.284.393
		3.124.479.751.472	1.197.389.361.167
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.172.730.739.544)	(643.825.537.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(180.818.703.393)	(236.157.765.073)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(199.640.010.699)	(226.385.754.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.571.290.297.836	91.020.304.508

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(873.296.883.628)	(492.292.033.308)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	114.379.456.333	268.639.969.049
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.508.677.387.446)	(381.632.924.355)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	4.113.000.000	51.019.565.959
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(110.766.483.893)	(213.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	70.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	323.408.838.214	144.176.541.763
Tiền (mất đi)/nhận về từ thanh lý các công ty con		(41.919.739.602)	1.666.135.180.175
Tiền mất đi do giải thể các công ty con		(15.732.503.666)	(69.179.126.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.108.421.703.688)	1.186.654.172.538
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn	31	46.305.560.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	944.992.238.804	1.024.700.811.960
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.762.955.512.514)	(2.087.624.894.939)
Tiền trả cổ tức	36	(221.705.960.679)	(136.849.253.730)
Tiền thu từ cổ phần hóa		10.958.028.715	947.438.953.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(982.405.645.674)	(252.334.383.419)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.519.537.051.526)	1.025.340.093.627
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.010.008.629.180	2.973.434.309.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.018.746.730	11.234.226.364
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	2.500.490.324.384	4.010.008.629.180

25 -09- 2017

Người lập:

Trần Thị Thanh Thủy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toánNguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu được thành lập tại Việt Nam. Tổng Công ty đang trong giai đoạn xác định lại giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa để chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông;
- Kinh doanh kho, bãi, dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các hoạt động hỗ trợ hoạt động đường thủy;
- Sửa chữa phương tiện vận tải biển; sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; và
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu chuyên ngành hàng hải; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 16 tháng 2 năm 2017, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 424/QĐ-BGTVT về việc hủy bỏ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 để cổ phần hóa ban hành theo Quyết định số 5038/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bị hủy bỏ và Tổng Công ty có trách nhiệm xác định lại giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 để cổ phần hóa và thực hiện điều chỉnh hồi tố các báo cáo tài chính trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 1516/BTC-TCĐN ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2017 (“Công văn 1516”).

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Công văn số 16655/BGTVT-QLDN phê duyệt phương án triển khai công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”), một công ty con của Tổng Công ty, với ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa là ngày 31 tháng 12 năm 2015 (“Công văn 16655”). Ngày 15 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty ban hành Quyết định số 01/QĐ-HHVN phê duyệt giá trị doanh nghiệp sau định giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Biển Đông cho mục đích cổ phần hóa (“Quyết định 01”). Theo đó, Biển Đông điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của công ty này dựa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa như trên.

Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên (Thuyết minh 36).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Chi tiết các công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Loại công ty	Số lượng các đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tổng Công ty mà các báo cáo tài chính của các công ty con này được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất.	20	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 1 của Tổng Công ty đã được thanh lý, giải thể hoặc chuyển giao trong năm 2016. Tổng Công ty đã ngừng hợp nhất thông tin tài chính của các công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày các công ty con này được thanh lý, giải thể hoặc chuyển giao.	3	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 2 của Tổng Công ty mà các báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất.	21	Xem Phụ lục 3
Các công ty con không được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất do i) Tổng Công ty không có thông tin tài chính và ii) các công ty con đã chính thức mở thủ tục phá sản. Thay vào đó, các khoản đầu tư vào các công ty con này được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.	4	Xem Phụ lục 4
Các công ty liên kết và công ty liên doanh của Tổng Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	23	Xem Phụ lục 5
Các công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong báo cáo tài chính hợp nhất do Tổng Công ty không có thông tin tài chính của các công ty này.	1	Xem Phụ lục 6

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 12.246 nhân viên (1/1/2016: 14.150 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.455 tỷ VND (1/1/2016: 4.847 tỷ VND). Hơn nữa, như đã trình bày ở Thuyết minh 19 trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong số nợ ngắn hạn là khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.796 tỷ VND (1/1/2016: 6.472 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay đã quá hạn nhưng Tổng Công ty và các công ty con chưa hoàn trả được là 4.065 tỷ VND (1/1/2016: 4.188 tỷ VND).

Trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo chủ trương tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược, Kế hoạch đầu tư phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bao gồm chủ trương về thoái vốn tại một số công ty con và công ty liên kết và tái cơ cấu các khoản vay đã đến hạn trả hoặc quá hạn.

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tổng Công ty và các công ty con thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu toàn diện các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả và Tổng Công ty và các công ty con tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty và các công ty con tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tổng Công ty và các công ty con kiểm soát. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, ngoại trừ các công ty con đã chính thức mở thủ tục phá sản.

Vào các ngày 8 tháng 12 năm 2015, 10 tháng 12 năm 2015 và 25 tháng 12 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Tòa án Nhân dân Tỉnh Cà Mau đã lần lượt tiến hành mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (“Công ty Falcon”), Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin (“Công ty Vinashinlines”) và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau (“Công ty CNTT Cà Mau”), ba công ty con của Tổng Công ty, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 51%, 100% và 100%. Kể từ các ngày này, theo Công văn số 9354/BTC-CKT ngày 7 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính, quyền kiểm soát của Tổng Công ty đối với các công ty con này không còn được đầy đủ như đối với các công ty con thông thường khác và vì vậy, không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Do đó, từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã ngừng hợp nhất các thông tin tài chính của các công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào các công ty con này được phản ánh theo giá gốc.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty và các công ty con trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty và các công ty con dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty và các công ty con vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) **Công ty liên doanh, liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên doanh, liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các công ty liên doanh, liên kết, ngoại trừ khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc như được liệt kê tại Phụ lục 6, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tổng Công ty và các công ty con trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tổng Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) **Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và đầu tư vào công ty con không hợp nhất, công ty liên doanh, liên kết không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vốn của Tổng Công ty vào các đơn vị khác và đầu tư vào công ty con không hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh 3(a)(i), công ty liên doanh, liên kết không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu liệt kê tại Phụ lục 6 được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cho đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị trên được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Hướng dẫn này của Thông tư 127 có sự khác biệt với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Nếu Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính trên theo đúng quy định thông thường của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ lũy kế sẽ tăng 496 tỷ VND, thu nhập khác sẽ giảm 496 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm 496 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Cho đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ nếu có. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Biển Đông được ghi nhận theo báo cáo định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định 01. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	4 – 25 năm

Trong năm, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tàu Vinalines – Trader, thuộc phương tiện vận chuyển, từ 15 năm sang 7 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao trong năm là làm tăng chi phí khấu hao 163 tỷ VND.

(h) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng đất.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 10 năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 7 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 30 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước được xác định theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính. Lợi thế kinh doanh bắt đầu được phân bổ khi đơn vị được định giá cho mục đích cổ phần hóa chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần, và được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(ii) Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) **Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh theo định kỳ trong suốt thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(v) **Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(l) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) **Vốn góp**

(i) **Vốn góp từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty**

Góp vốn từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty được ghi nhận vào tài khoản vốn kinh doanh của Tổng Công ty dựa trên các quyết định của Chính phủ cho phép Tổng Công ty có quyền trực tiếp đại diện quyền sở hữu của Nhà nước trong các công ty con trong các trường hợp cụ thể.

(ii) **Thay đổi vốn góp khi thực hiện cổ phần hóa các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty**

Khi các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty thực hiện việc cổ phần hóa và ghi nhận tăng hay giảm vốn theo giá trị doanh nghiệp được định giá lại khi cổ phần hóa theo các quyết định phê duyệt của cấp cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty cũng ghi nhận thay đổi tương ứng trong vốn góp của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê tàu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu chuyển được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm (%) giữa số ngày đã phát sinh của hành trình so với tổng số ngày ước tính của cả hành trình. Tổng số ngày ước tính của cả hành trình là tổng số thời gian cần thiết để tàu bắt đầu di chuyển từ vị trí hiện tại để tới điểm nhận hàng và sau đó, đến cảng dỡ hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu định hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận trong thời gian đình thuê được quy định trong hợp đồng thuê tàu định hạn.

(iii) Cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Các giao dịch quan trọng****(a) Các công ty con giải thể trong năm**

Trong năm 2016, các công ty con sau đây đã hoàn thành thủ tục giải thể:

- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines;
- Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco, một công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

Tài sản/(nợ phải trả) thuần của các công ty con này tại ngày giải thể như sau:

	Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines VND	Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.565.716.604	-	40.565.716.604
Các khoản phải thu ngắn hạn	152.449.292	61.358.100	213.807.392
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(151.049.800)	(40.000.000)	(191.049.800)
Tài sản ngắn hạn khác	10.000.000	10.338.744	20.338.744
Xây dựng cơ bản dở dang	5.595.816.190	-	5.595.816.190
Nợ ngắn hạn	(346.159.200)	(166.557.074)	(512.716.274)
Tài sản/(nợ phải trả) thuần	45.826.773.086	(134.860.230)	45.691.912.856

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thanh lý công ty con**

Trong năm, Tổng Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con là Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế, theo đó, khoản đầu tư vào công ty con này được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết. Việc thoái vốn này được hạch toán như một giao dịch thanh lý công ty con.

Nợ phải trả thuần của công ty con này tại ngày thanh lý như sau:

	Số tiền VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.563.919.602
Các khoản phải thu ngắn hạn	107.153.203.558
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.666.978.975)
Hàng tồn kho	39.951.829.402
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(384.098.800)
Tài sản ngắn hạn khác	10.903.514.303
Phải thu dài hạn	521.975.000
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	1.462.914.335.504
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(646.700.836.351)
Tài sản cố định vô hình - Nguyên giá	25.717.044.904
Tài sản cố định vô hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(6.172.677.657)
Xây dựng cơ bản dở dang	52.556.750
Các khoản đầu tư dài hạn khác	8.060.469.900
Chi phí trả trước dài hạn	32.771.850.944
Nợ ngắn hạn	(718.775.820.046)
Vay và nợ dài hạn	(463.798.892.236)
	<hr/>
Nợ phải trả thuần	(83.888.604.198)
	<hr/>
Giảm phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả thuần của công ty con tại ngày thanh lý	(11.621.279.418)
Lãi thuần từ thanh lý công ty con	43.265.459.418
	<hr/>
Tiền thu từ thanh lý công ty con	31.644.180.000
Khoản tiền giảm do thanh lý công ty con	(73.563.919.602)
	<hr/>
Khoản tiền thuần mất đi do thanh lý công ty con	(41.919.739.602)
	<hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Chuyển giao công ty con**

Trong năm 2016, Tổng Công ty chuyển giao 15.070.809 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang, tương ứng với số tiền 150.708.090.000 VND tính theo giá gốc của khoản đầu tư này cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn ngày 14 tháng 4 năm 2016. Dựa theo hướng dẫn của Công văn số 3593/BGTVT-QLDN ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc xử lý tài chính liên quan đến chuyển giao Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang, Tổng Công ty ghi giảm Vốn góp trong Vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng với giá gốc của khoản đầu tư. Tài sản thuần của công ty con này tại ngày chuyển giao như sau:

	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.322.267.714
Các khoản đầu tư ngắn hạn	49.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.999.370.772
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.108.287.737)
Hàng tồn kho	10.676.205
Tài sản ngắn hạn khác	740.318.043
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	290.488.415.077
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(100.727.746.127)
Bất động sản đầu tư - Nguyên giá	20.668.542.954
Bất động sản đầu tư - Giá trị hao mòn lũy kế	(13.487.199.361)
Xây dựng cơ bản dở dang	200.881.818
Chi phí trả trước dài hạn	618.949.735
Nợ ngắn hạn	(23.350.167.941)
	<hr/>
Tài sản thuần	245.176.021.152
	<hr/> <hr/>
Tương ứng với:	
	VND
Vốn cổ phần	245.390.490.000
Lỗ lũy kế	(214.468.848)
	<hr/>
	245.176.021.152
	<hr/> <hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tiền mặt	18.440.314.442	20.232.413.289
Tiền gửi ngân hàng	985.498.290.129	859.176.529.545
Các khoản tương đương tiền	1.496.551.719.813	3.130.599.686.346
	<hr/>	
	2.500.490.324.384	4.010.008.629.180
	<hr/>	

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 36.694 triệu VND (1/1/2016: 35.329 triệu VND) không sẵn sàng để sử dụng do bị phong tỏa.

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.671.945.189.255	1.213.067.801.809
	<hr/>	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016		1/1/2016	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư Đường biển (*)	Hà Nội, Việt Nam	100%	15.725.468.159	-	15.725.468.159	(15.725.468.159)
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau (**)	Cà Mau, Việt Nam	100%	7.844.789.444	-	7.844.789.444	(7.844.789.444)
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn dương Vinashin (**)	Hà Nội, Việt Nam	100%	414.281.112.713	-	414.281.112.713	(414.281.112.713)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (**)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51%	51.000.000.000	-	51.000.000.000	(51.000.000.000)
			<u>488.851.370.316</u>	<u>-</u>	<u>488.851.370.316</u>	<u>(488.851.370.316)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư Đường biển, một công ty con của Tổng Công ty, đang hoàn tất thủ tục phá sản. Do không thể thu thập thông tin tài chính của công ty con này, Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư vào công ty con này theo giá gốc.

(**) Vào các ngày 8 tháng 12 năm 2015, 10 tháng 12 năm 2015 và 25 tháng 12 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Tòa án Nhân dân Tỉnh Cà Mau đã lần lượt tiến hành mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (“Công ty Falcon”), Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin (“Công ty Vinashinlines”) và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau (“Công ty CNTT Cà Mau”), ba công ty con của Tổng Công ty, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 51%, 100% và 100%. Kể từ các ngày này, theo Công văn số 9354/BTC-CKT ngày 7 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính, quyền kiểm soát của Tổng Công ty đối với các công ty con này không còn được đầy đủ như đối với các công ty con thông thường khác và vì vậy, không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Do đó, Tổng Công ty hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty con này theo giá gốc.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Địa chỉ	31/12/2016			1/1/2016		
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Hà Nội, Việt Nam	49%	49%	17.968.106.113	49%	49%	21.244.036.562
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải & Thương mại (Transco)	Hải Phòng, Việt Nam	33%	33%	39.451.328.138	33%	33%	38.384.784.034
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	Hải Phòng, Việt Nam	25%	25%	4.975.820.508	25%	25%	-
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	Hà Nội, Việt Nam	49%	49%	22.032.628.391	49%	49%	20.720.011.600
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	Năm Căn, Việt Nam	17%	49%	-	17%	49%	498.861.505
Công ty Liên doanh Vận tải Quốc tế Nhật - Việt	Hải Phòng, Việt Nam	50%	50%	48.266.565.462	50%	50%	47.733.856.894
Trung tâm Phát triển Nhân lực Hàng hải Đông Nam Á	Hải Phòng, Việt Nam	0%	0%	-	50%	50%	3.391.070.271
Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn SSA (SSIT)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	37%	50%	93.487.157.034	42%	50%	204.015.572.367
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam TP. Hồ Chí Minh,	35%	37%	38.121.378.578	35%	37%	9.461.054.014
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Việt Nam Bà Rịa - Vũng Tàu,	33%	50%	46.296.031.216	33%	50%	45.675.162.684
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	14%	21%	21.262.852.409	14%	21%	15.997.375.773
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đinh Vũ	Hải Phòng, Việt Nam	22%	23%	19.735.737.943	22%	23%	18.150.957.168
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đinh Vũ	Hải Phòng, Việt Nam	24%	26%	153.865.625.860	24%	26%	160.132.692.271
Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Hải Phòng, Việt Nam	27%	36%	17.258.736.635	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam	33%	35%	20.787.941.431	21%	22%	29.588.617.422
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam TP. Hồ Chí Minh,	34%	45%	19.322.390.015	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	Việt Nam	-	-	-	17%	26%	300.001.000.000
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khác				66.243.770.992			53.590.295.220
				629.076.070.725			968.585.347.785

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con không thể thu thập được thông tin tài chính của một số công ty liên kết với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trị giá 7 tỷ VND (1/1/2016: 20 tỷ VND) và do đó, các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc thay vì được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2016		1/1/2016	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND (đã điều chỉnh lại)
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	125.055.782.411	(1.001.792.555)	127.666.602.411	(1.020.767.800)
Công ty TNHH Đầu tư phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	300.001.000.000	-	-	-
Đầu tư vào các đơn vị khác		45.645.931.965	(4.198.085.868)	41.662.435.711	(15.109.011.564)
		470.702.714.376	(5.199.878.423)	169.329.038.122	(16.129.779.364)

Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu của khách hàng****Phải thu của khách hàng là công ty liên quan**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	131.569.831.500	23.323.828.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	17.508.095.835	20.328.690.835
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	1.861.053.069	1.861.053.069
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	-	4.051.551.995
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	3.271.865.211	3.236.585.742
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	3.579.097.992	3.937.318.629
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	3.754.779.629	3.754.779.629
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	1.032.501.290	1.639.408.711
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	1.936.779.622	1.670.081.472
	<hr/> 164.514.004.148	<hr/> 63.803.298.582 <hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo và không chịu lãi.

8. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	-	2.300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	8.204.191.840	8.504.191.840
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.990.226.143	6.990.226.143
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	2.300.000.000	-
Công ty Hoa Việt	-	1.300.000.000
	<hr/> 17.494.417.983	<hr/> 19.094.417.983 <hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 6% - 11,4% (2015: 6% - 11,4%).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (*)	362.544.930.000	361.257.930.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	-	3.800.000.000
	362.544.930.000	365.057.930.000

(*) Khoản cho vay tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA, một công ty liên doanh của Tổng Công ty, trong khoản vay 33.000.000 USD với các cổ đông của công ty liên doanh này theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26 tháng 8 năm 2008. Theo đó, các cổ đông góp vốn vào Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA đồng ý cho công ty này vay một số tiền tương ứng theo tỷ lệ vốn góp hiện có. Khoản cho vay này hưởng lãi suất LIBOR 6 tháng + (0,8% - 1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu hoàn trả của bên cho vay.

9. Các khoản phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

		31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu về cổ phần hóa	(i)	192.110.535.809	229.017.603.256
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		12.357.000.000	22.889.839.568
Phải thu từ lãi cho vay		69.033.507.001	130.118.113.525
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn dương Vinashin		74.032.818.962	63.493.089.734
Phải thu nhân viên		16.783.398.527	26.976.344.875
Tạm ứng cho nhân viên		30.976.141.450	15.264.534.928
Phải thu Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”)	(ii)	47.403.075.673	46.803.671.201
Phải thu các cá nhân liên quan vụ án Ụ nổi 83M	(iii)	288.012.436.335	306.683.816.495
Phải thu bảo hiểm tàu	(iv)	50.292.970.367	44.566.742.394
Phải thu về ký cược, ký quỹ		18.013.369.951	20.330.949.221
Phải thu Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc Tế Cảng Sài Gòn		20.000.000.000	-
Phải thu nhận nợ quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp		50.524.234.309	56.150.602.178
Phải thu khác		145.865.626.502	167.538.042.769
		1.015.405.114.886	1.129.833.350.144

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản này phản ánh phải thu từ việc cổ phần hóa Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn (SPTS) và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam - các công ty con của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế - một công ty liên kết của Tổng Công ty.
- (ii) Đây là khoản lãi vay phải thu còn lại phát sinh từ những khoản vay được dùng để tài trợ cho dự án đóng Tàu Container 1730 TEU V22 sau ngày 30 tháng 6 năm 2010, ngày có quyết định dừng việc đóng tàu. Tàu này và các khoản vay liên quan đã được chuyển giao từ Biển Đông sang Bạch Đằng vào ngày 5 tháng 8 năm 2015. Trong năm 2015, Biển Đông đã xóa khoản lãi vay với số tiền 323 tỷ VND phải thu từ Bạch Đằng thông qua việc cân trừ với số dư tương ứng phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy.
- (iii) Khoản này phản ánh phải thu đối với các cá nhân liên quan đến dự án mua U nổi 83M do hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng cho Tổng Công ty. Căn cứ theo Quyết định thi hành án dân sự số 65/QĐ.CTHA ngày 24 tháng 10 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty số tiền theo phán quyết của tòa án, đồng thời còn phải chịu lãi suất trên số tiền phải bồi thường chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định.
- (iv) Khoản này phản ánh phải thu tiền bảo hiểm của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty đối với các Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Duyên Hải, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành và Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Kiên Giang.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu về ký cược, ký quỹ	36.414.023.649	12.520.292.112
Phải thu các khoản trả hộ	-	35.368.799.086
Phải thu khác	6.836.887.977	10.910.529.601
	<hr/>	<hr/>
	43.250.911.626	58.799.620.799
	<hr/>	<hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND (đã điều chỉnh lại)
Hàng mua đang đi trên đường	1.957.755.536	-	13.877.829.290	-
Nguyên vật liệu	369.360.954.831	(1.266.688.258)	421.660.786.484	-
Công cụ và dụng cụ	32.053.206.650	-	19.768.195.724	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.069.603.004	-	1.776.993.566	-
Hàng hóa	57.793.681.848	-	32.802.775.421	(384.098.800)
Hàng gửi đi bán	11.352.702	-	11.352.702	-
	<hr/>		<hr/>	
	486.246.554.571	(1.266.688.258)	489.897.933.187	(384.098.800)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 7.587 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2016: 1.597 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	6.083.451.619.618	1.962.950.534.026	29.299.050.283.397	330.647.951.948	41.865.950.458	37.717.966.339.447
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>6.115.140.621.598</i>	<i>1.961.685.954.397</i>	<i>28.789.544.553.424</i>	<i>330.302.611.498</i>	<i>41.865.950.458</i>	<i>37.238.539.691.375</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>(31.689.001.980)</i>	<i>1.264.579.629</i>	<i>509.505.729.973</i>	<i>345.340.450</i>	<i>-</i>	<i>479.426.648.072</i>
Tăng trong năm	4.885.485.092	77.275.742.125	54.032.230.617	4.797.828.590	384.859.726	141.376.146.150
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	72.038.504.753	117.688.111.044	33.346.531.658	9.566.283.237	229.276.909	232.868.707.601
Phân loại lại	-	(69.286.746.738)	249.077.417.742	(178.510.300.128)	(1.280.370.876)	-
Phân loại sang hàng tồn kho	-	-	(1.152.518.819.589)	-	-	(1.152.518.819.589)
Thanh lý	(21.089.811.721)	(139.445.397.541)	(156.070.018.754)	(634.400.216)	(386.010.656)	(317.625.638.888)
Xóa sổ	(1.595.901.104)	-	(53.043.766)	-	-	(1.648.944.870)
Giảm do điều chuyển, giải thể, thanh lý các công ty con	(327.661.238.884)	(14.651.465.362)	(1.408.210.641.245)	(872.650.810)	(2.006.754.280)	(1.753.402.750.581)
Góp vốn vào công ty khác	-	-	(7.813.845.445)	-	-	(7.813.845.445)
Điều chỉnh nguyên giá do quyết toán giá trị công trình	(8.208.424.701)	5.158.792.495	1.798.382.841	374.234.259	-	(877.015.106)
Điều chỉnh nguyên giá do quyết toán vốn vay ODA	(49.522.226.068)	-	33.781.107.691	(42.908.917.898)	-	(58.650.036.275)
Các biến động khác	(1.038.922.525)	(27.609.757)	(564.885.000)	(54.600.000)	-	(1.686.017.282)
Số dư cuối năm	5.751.259.084.460	1.939.661.960.292	26.945.854.700.147	122.405.428.982	38.806.951.281	34.797.988.125.162

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	3.124.456.228.189	1.257.465.843.351	12.778.967.029.101	237.814.993.356	25.163.055.111	17.423.867.149.108
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>3.136.864.303.006</i>	<i>1.252.849.832.815</i>	<i>15.215.860.365.415</i>	<i>236.397.417.175</i>	<i>25.163.055.111</i>	<i>19.867.134.973.522</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>(12.408.074.817)</i>	<i>4.616.010.536</i>	<i>(2.436.893.336.314)</i>	<i>1.417.576.181</i>	<i>-</i>	<i>(2.443.267.824.414)</i>
Khấu hao trong năm	262.879.893.916	147.548.130.867	1.996.170.622.105	10.848.426.019	2.604.761.273	2.420.051.834.180
Thanh lý	(11.565.455.915)	(2.833.347.690)	(151.845.163.278)	(634.400.216)	(342.223.655)	(167.220.590.754)
Xóa sổ	(1.570.983.154)	-	(41.762.758)	-	-	(1.612.745.912)
Phân loại lại	-	(41.796.324.174)	161.922.788.790	(118.794.625.206)	(1.331.839.410)	-
Phân loại lại sang hàng tồn kho	-	-	(465.441.572.356)	-	-	(465.441.572.356)
Giảm do điều chuyển, giải thể, thanh lý các công ty con	(109.285.063.494)	(3.288.656.609)	(633.909.764.004)	(760.080.571)	(185.017.800)	(747.428.582.478)
Góp vốn vào công ty khác	-	-	(6.816.378.189)	-	-	(6.816.378.189)
Điều chỉnh khấu hao do quyết toán vốn vay ODA	(93.182.203.411)	-	12.340.160.725	(42.942.037.637)	-	(123.784.080.323)
Các biến động khác	(507.620.811)	(24.842.433)	(72.179.750)	-	-	(604.642.994)
Số dư cuối năm	3.171.224.795.320	1.357.070.803.312	13.691.273.780.386	85.532.275.745	25.908.735.519	18.331.010.390.282
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	2.958.995.391.429	705.484.690.675	16.520.083.254.296	92.832.958.592	16.702.895.347	20.294.099.190.339
Số dư cuối năm	2.580.034.289.140	582.591.156.980	13.254.580.919.761	36.873.153.237	12.898.215.762	16.466.977.734.880

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.741.133 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.473.723 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.828.066 triệu VND (1/1/2016: 9.820.593 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	524.767.681.747	53.692.646.292	14.074.822.511	592.535.150.550
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>615.943.555.323</i>	<i>53.692.646.292</i>	<i>14.074.822.511</i>	<i>683.711.024.126</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>(91.175.873.576)</i>	-	-	<i>(91.175.873.576)</i>
Tăng trong năm	820.887.428	1.510.116.800	-	2.331.004.228
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	60.575.527.000	2.538.649.990	72.000.000	63.186.176.990
Giảm do điều chuyển, giải thể, thanh lý công ty con	(25.594.044.904)	(123.000.000)	-	(25.717.044.904)
Xóa sổ chi phí lãi vay được vốn hóa	(127.416.726.444)	-	-	(127.416.726.444)
Các biến động khác	-	1.747.776.738	-	1.747.776.738
Số dư cuối năm	433.153.324.827	59.366.189.820	14.146.822.511	506.666.337.158
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	53.002.516.360	45.735.691.114	14.054.822.493	112.793.029.967
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>52.604.790.831</i>	<i>45.735.691.114</i>	<i>14.054.822.493</i>	<i>112.395.304.438</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>397.725.529</i>	-	-	<i>397.725.529</i>
Khấu hao trong năm	2.621.195.870	3.825.102.534	23.904.760	6.470.203.164
Giảm do điều chuyển, giải thể, thanh lý công ty con	(6.126.757.659)	(45.919.998)	-	(6.172.677.657)
Các biến động khác	-	1.747.776.738	-	1.747.776.738
Số dư cuối năm	49.496.954.571	51.262.650.388	14.078.727.253	114.838.332.212
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	471.765.165.387	7.956.955.178	20.000.018	479.742.120.583
Số dư cuối năm	383.656.370.256	8.103.539.432	68.095.258	391.828.004.946

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 59.079 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 54.559 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 100 triệu VND (1/1/2016: 13.590 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	255.797.525.808	327.120.038.308	582.917.564.116
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>255.797.525.808</i>	<i>578.493.662.544</i>	<i>834.291.188.352</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>-</i>	<i>(251.373.624.236)</i>	<i>(251.373.624.236)</i>
Tăng trong năm	145.000.000	-	145.000.000
Giảm do bán doanh nghiệp/chia tách/giải thể/thoái vốn	-	(20.668.542.954)	(20.668.542.954)
Các biến động khác	-	(4.631.897.675)	(4.631.897.675)
Số dư cuối năm	255.942.525.808	301.819.597.679	557.762.123.487
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	5.402.824.081	173.049.308.466	178.452.132.547
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>5.402.824.081</i>	<i>134.245.021.313</i>	<i>139.647.845.394</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>-</i>	<i>38.804.287.153</i>	<i>38.804.287.153</i>
Khấu hao trong năm	6.133.562.024	10.943.578.931	17.077.140.955
Giảm do bán doanh nghiệp/chia tách/giải thể/thoái vốn	-	(13.487.199.361)	(13.487.199.361)
Số dư cuối năm	11.536.386.105	170.505.688.036	182.042.074.141
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	250.394.701.727	154.070.729.842	404.465.431.569
Số dư cuối năm	244.406.139.703	131.313.909.643	375.720.049.346

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con phản ánh giá trị của (i) Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội (Ocean Park) đang sử dụng để cho thuê tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, (ii) tòa nhà Vimadeco Building đang sử dụng để cho thuê tại Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (iii) quyền sử dụng đất tại Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh; và (iv) các nhà kho, sân bãi và các tài sản khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị còn lại là 82.362 triệu VND (1/1/2016: 93.285 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 19).

Tổng Công ty và các công ty con không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.967.284.854.520	6.622.266.565.158
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>2.026.236.322.102</i>	<i>6.681.218.032.740</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>(58.951.467.582)</i>	<i>(58.951.467.582)</i>
Tăng trong năm	846.059.058.831	184.072.780.757
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(232.868.707.601)	(241.805.464.263)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(63.186.176.990)	(68.000.000)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(11.253.916.294)
Xóa sổ	(18.736.004.075)	(5.857.093.240)
Thanh lý	(354.397.440.764)	(10.471.000.000)
Giảm do bán doanh nghiệp/chia tách/giải thể/thoái vốn các công ty con	(5.849.254.758)	(3.801.666.431.436)
Chuyển giao dự án cho các bên thứ 3	-	(759.108.094.001)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.265.341.905)	(11.355.774.388)
Xóa chi phí lãi vay được vốn hóa	(16.604.251.568)	-
Các biến động khác	(13.776.761.514)	2.531.282.227
Số dư cuối năm	2.096.659.974.176	1.967.284.854.520

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	954.818.246.200	897.573.876.817
Cảng Vân Phong - Khánh Hòa (*)	150.236.124.777	147.083.296.561
Tàu 1.800 TEU 1 (HV-02) V22	-	67.451.976.629
Tàu 47.500 DWT số 1 (*)	111.831.394.225	109.649.463.511
Tàu 47.500 DWT số 2 (*)	106.833.521.596	106.799.348.494
Các dự án khác đã dừng thi công (*)	32.155.319.878	32.860.042.426
Các công trình khác	740.785.367.500	605.866.850.082
Số dư cuối năm	2.096.659.974.176	1.967.284.854.520

(*) Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã quyết định dừng mọi hoạt động liên quan đến các dự án này. Trong đó một số dự án đang trong quá trình chờ quyết toán để bàn giao cho các bên khác.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Trả trước phí bảo hiểm	22.886.837.429	13.256.428.471
Công cụ dụng cụ	11.971.378.907	17.199.481.882
Chi phí sửa chữa thường xuyên	10.506.650.844	14.698.850.049
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	-	6.317.469.889
Chi phí thuê kho bãi	53.107.030	1.254.702.981
Chi phí khác	6.931.666.146	11.084.891.022
	<hr/>	
	52.349.640.356	63.811.824.294
	<hr/>	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa VND	Chi phí thuê đất VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản cố định VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	29.108.590.335	42.575.740.998	79.619.317.891	392.738.875.081	90.073.909.557	634.116.433.862
<i>Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây</i>	<i>27.524.880.297</i>	<i>42.575.740.998</i>	<i>79.400.078.269</i>	<i>420.632.034.737</i>	<i>96.392.860.605</i>	<i>666.525.594.906</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>1.583.710.038</i>	-	<i>219.239.622</i>	<i>(27.893.159.656)</i>	<i>(6.318.951.048)</i>	<i>(32.409.161.044)</i>
Mua sắm mới trong năm	-	28.169.294.290	54.196.802.822	146.051.885.837	17.466.113.541	245.884.096.490
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	5.740.000	10.920.539.919	339.061.986	11.265.341.905
Giảm do chuyển giao, giải thể, thanh lý các công ty con	-	-	(16.241.302.909)	(16.776.808.822)	(372.688.948)	(33.390.800.679)
Giảm do thanh lý và nhượng bán	-	-	(241.600.000)	-	-	(241.600.000)
Xóa sổ	-	(3.902.952.711)	-	-	(76.514.022.375)	(80.416.975.086)
Phân bổ trong năm	(13.483.710.657)	(1.508.301.359)	(34.470.907.902)	(418.300.475.418)	(15.151.528.038)	(482.914.923.374)
Biến động khác	(143.771.442)	-	132.014.909	(1.621.652.609)	(16.992.918)	(1.650.402.060)
Số dư cuối năm	15.481.108.236	65.333.781.218	83.000.064.811	113.012.363.988	15.823.852.805	292.651.171.058

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán là các công ty liên quan

	Giá gốc	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty Cổ Phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	7.209.834.259	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	337.641.432	337.641.432
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	1.051.077.446	-
Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	6.714.618.182	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế (CICT)	1.469.664.801	2.126.968.675
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	2.686.916.386	2.693.457.233
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	4.835.569.329	2.503.498.112
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	958.875.706
Công ty Liên Doanh Cảng Quốc tế Cái Mép	-	118.780.676
	24.305.321.835	8.739.221.834

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi vay phải trả	3.498.143.601.427	3.581.071.384.612
Chi phí sản xuất kinh doanh trích trước	3.751.120.107	3.436.642.478
Chi phí xây dựng phải trả	2.329.134.523	12.182.792.419
Chi phí sửa chữa	27.121.751.038	49.099.989.678
Cảng phí nước ngoài	18.691.961.718	15.272.205.297
Các khoản trích trước khác	42.000.679.460	20.967.969.423
	3.592.038.248.273	3.682.030.983.907

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Kinh phí công đoàn	24.956.923.472	32.233.446.933
Bảo hiểm xã hội	8.663.400.593	10.134.808.735
Bảo hiểm y tế	456.923.191	909.433.127
Bảo hiểm thất nghiệp	176.053.670	387.766.130
Phải trả về cổ phần hóa (i)	65.733.109.900	68.313.059.345
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	13.466.957.964	8.628.921.547
Lãi vay phải trả	67.055.556.178	-
Cổ tức phải trả	17.863.714.542	17.626.160.597
Tiền thu hộ (thanh lý đội tàu của Vinashinlines)	37.540.608.712	32.816.345.341
Các khoản nợ được DATC mua lại	-	616.248.047.004
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	60.342.573.056	56.531.959.324
Phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc		
Viễn Đông (ii)	216.476.435.674	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.371.294.207	214.918.605.376
	<hr/>	
	652.103.551.159	1.058.748.553.459
	<hr/>	

- (i) Là số tiền từ bán cổ phần mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, một công ty con của Tổng Công ty, phải trả về Tổng Công ty. Do Tổng Công ty và công ty con này chưa có biên bản quyết toán vốn cuối cùng nên Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu trong khi công ty con đã ghi nhận công nợ phải trả.
- (ii) Khoản tiền tạm ứng của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để hỗ trợ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (“Cảng Sài Gòn”), một công ty con của Tổng Công ty, đẩy mạnh công tác di dời Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội cũng như hoàn thiện công tác xây dựng dự án cảng Sài Gòn Hiệp Phước theo Biên bản hợp giữa các đối tác tham gia dự án chuyển đổi công năng khu Nhà Rồng Khánh Hội của Cảng Sài Gòn ngày 24 tháng 6 năm 2013. Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Cảng Sài Gòn, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.634.910.082	24.739.493.321
Tạm tăng nguyên giá tàu (i)	516.672.201.784	516.672.201.784
Tạm ứng vốn dự án Cảng Hiệp Phước (ii)	599.000.000.000	599.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	114.083.194.801	136.390.088.278
	<hr/>	
	1.251.390.306.667	1.276.801.783.383
	<hr/>	

- (i) Phần chênh lệch giữa giá trị ước tính và giá trị đã quyết toán liên quan đến các con tàu mà Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam mua từ Bạch Đằng và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu.
- (ii) Số tiền được Bộ Tài chính cấp cho Cảng Sài Gòn liên quan đến việc xây dựng Cảng Hiệp Phước. Khoản tiền này sẽ được chuyển sang thành vốn góp của Nhà Nước khi Cảng Sài Gòn hoàn thành dự án.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	Giá trị ghi sổ - theo báo cáo trước đây	1/1/2016		Biến động trong năm			31/12/2016
		Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)	Giá trị ghi sổ - đã điều chỉnh lại	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do giải thể, thanh lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	1.381.318.436.286	2.754.388.859	1.384.072.825.145	700.787.806.296	(788.950.149.731)	(9.048.666.855)	1.286.861.814.855
Vay dài hạn đến hạn trả 19(b)	4.701.248.239.494	83.229.052.024	4.784.477.291.518	998.431.748.642	(48.553.133.685)	(225.574.400.000)	5.508.781.506.475
Trái phiếu khác đáo hạn trong 12 tháng	303.344.725.000	-	303.344.725.000	-	(303.344.725.000)	-	-
	6.385.911.400.780	85.983.440.883	6.471.894.841.663	1.699.219.554.938	(1.140.848.008.416)	(234.623.066.855)	6.795.643.321.330



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Hội sở	VND	12%-18%	147.434.936.521	147.434.936.521
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội	VND	12%-18%	155.424.323.688	159.329.486.773
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Sở giao dịch	VND	4,5%	51.687.488.976	51.096.904.358
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	9,0%	59.024.545.371	72.314.636.428
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	7,0%	67.323.539.492	66.585.018.874
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình Hà Nội	VND	10,0%	44.351.929.707	47.851.929.707
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	VND	12% - 17,5%	38.847.857.369	38.847.857.369
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	22,95% - 23,7%	32.734.997.365	32.734.997.365
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy	VND	15,75% - 24,75%	132.889.144.745	132.889.144.745
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	VND	13,0%	191.025.462.572	191.025.462.572
Ngân hàng Natixis	VND	Theo từng lần giải ngân	-	134.608.520.047
Công ty mua bán nợ (DATC)	VND	Theo từng lần giải ngân	108.814.103.702	-
Vay ngắn hạn khác			257.303.485.347	309.353.930.386
			1.286.861.814.855	1.384.072.825.145

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được đảm bảo bằng một số bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả trị giá 4.065 tỷ VND đã quá hạn (1/1/2016: 4.188 tỷ VND).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Ngân hàng Cathay United	USD	LIBOR 6 tháng + 2%	2016	1.201.726.668.924	1.239.647.320.761
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	USD	(a) + 2,5%	2024	-	478.696.451.241
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình Hà Nội	USD	12,0%	2012-2018	981.873.582.744	971.528.997.148
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	3% - 7,8%	2028	1.732.655.014.592	1.752.289.930.500
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	3% + lãi suất quá hạn	2019	843.092.000.000	844.092.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	3,0%	2015	-	490.563.800.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	USD	11,5%	2018	845.068.398.665	835.466.359.591
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	(a) + 3,2%	2018	490.916.825.100	485.420.054.900
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	USD	LIBOR 6 tháng +2%	2020	1.348.875.291.600	1.417.553.226.145
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội	USD	7,5%	2015-2019	778.373.100.995	770.098.426.629
Vay dài hạn khác				6.636.012.382.377	6.632.031.440.181
				14.858.593.264.997	15.917.388.007.096
Khoản đã quá hạn và đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5.508.781.506.475)	(4.784.477.291.518)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				9.349.811.758.522	11.132.910.715.578

(a) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng tương ứng.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11), tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12) và xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 14).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗi lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã điều chỉnh lại	12.711.468.861.973	84.676.858.849	(961.811.442.357)	(186.266.349.415)	877.179.575.552	921.206.427.334	20.464.559.626	(24.430.607.832.097)	135.846.005.094	2.090.572.005.867	(8.737.271.329.574)
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã báo cáo trước đây	5.479.417.788.907	84.676.858.849	1.016.495.572.186	(186.266.349.415)	345.976.874.896	398.659.221.675	20.464.559.626	(19.208.187.682.336)	104.299.639.689	2.136.201.651.686	(9.808.261.864.237)
Điều chỉnh vốn góp và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu về thời điểm trước khi xác định giá trị doanh nghiệp	4.585.187.943.278	-	-	-	531.202.700.656	515.300.935.278	-	(5.663.237.944.617)	31.546.365.405	-	-
TCT và Hạng Giảng huy kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	2.646.863.129.788	-	(1.978.307.014.543)	-	-	7.246.270.381	-	440.817.794.856	-	(45.629.645.819)	1.070.990.534.663
Thay đổi vốn Nhà Nước do cổ phần hóa – đã điều chỉnh lại	264.615.413.449	(1.310.300.614)	257.672.821.352	-	(3.108.512.543)	-	-	108.181.058	(19.156.182.126)	-	498.821.420.576
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty con – đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	836.066.736.368	-	-	-	-	836.066.736.368
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	80.170.673.475	-	902.025.849	(80.283.264.793)	-	(789.434.531)	-
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	684.389.303.461	-	(158.415.069.050)	525.974.234.411
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(87.057.668.330)	-	(16.616.093.248)	(103.673.761.578)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(262.939.694)	-	(640.869.569)	-	-	(1.606.848.212)	(2.510.657.475)
Cần tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(139.202.199.478)	(139.202.199.478)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	129.762.239.167	-	-	-	-	-	17.067.060.291	146.829.299.458
Chuyển nhượng/thoái vốn cho đơn vị khác ngoài tập đoàn	-	(9.274.608.000)	112.196.620.973	48.405.898.675	(163.847.464.769)	-	-	2.822.560.897.842	-	317.489.211.793	3.127.530.556.514
Giải thể các đơn vị	-	-	(1.613.587.804)	8.330.564.765	(49.217.259.484)	-	(4.351.279.363)	12.772.983.633.985	(330.000.000)	(264.182.179.296)	12.461.619.892.803
Lãi vay được xóa	-	-	-	-	-	-	-	27.847.984.499	-	-	27.847.984.499
Thay đổi do thoái vốn không mất quyền kiểm soát	-	(4.005.680.993)	437.818.618	(462.181.163)	(14.256.676.247)	-	(24.820.869)	430.276.090.767	-	(411.964.550.113)	-
Điều chỉnh khoản phải thu từ cổ phần hóa các công ty con sau khi quyết toán vốn đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	(26.654.792.611)	-	-	-	-	(26.654.792.611)
Lãi từ tiền gửi của quỹ đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	3.118.356.640	-	-	-	-	3.118.356.640
Lãi trả chậm từ khoản phải thu từ cổ phần hóa đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	14.586.858.715	-	-	-	-	14.586.858.715
Biến động khác	(1.163.840.800)	784.844.603	(2.359.208.310)	229.827.971	(4.666.793.323)	-	21.650.247	(2.144.620.609)	(10.920.249.211)	(13.700.782.269)	(33.919.171.701)
Số dư tại ngày 31/12/2015 – đã điều chỉnh lại	12.974.920.434.622	70.871.113.845	(595.476.977.528)	-	721.990.602.967	1.748.323.586.446	16.371.265.921	(7.861.927.294.217)	105.439.573.757	1.418.651.121.754	8.599.163.427.567

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗi lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	12.974.920.434.622	70.871.113.845	(5.036.235.730.787)	-	707.298.922.225	1.748.323.586.446	16.371.265.921	(3.835.324.477.723)	105.439.573.757	1.418.651.121.754	8.170.315.810.060
Số dư tại ngày 31/12/2015 – theo Báo cáo trước đây	5.492.855.894.051	70.871.113.845	1.382.830.037.015	-	190.787.902.311	1.236.854.587.135	16.371.265.921	(3.346.273.301.214)	73.893.208.352	1.464.280.767.573	6.582.471.474.989
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố trước ngày 31/12/2015	7.482.064.540.571	-	(1.978.307.014.543)	-	531.202.700.656	511.468.999.311	-	(4.515.653.993.003)	31.546.365.405	(45.629.645.819)	2.016.691.952.578
Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố tại Biên Động	-	-	(4.440.758.753.259)	-	(14.691.680.742)	-	-	4.026.602.816.494	-	-	(428.847.617.507)
Vốn cấp/vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	46.305.560.000	46.305.560.000
Giảm vốn nhà nước do chuyển giao Cảng Nha Trang	(150.708.090.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(150.708.090.000)
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty con	-	-	-	-	-	1.851.459.273	-	-	-	-	1.851.459.273
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	109.637.230.160	-	1.051.306.517	(110.758.206.672)	-	69.669.995	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	94.859.503.047	-	(61.670.368.603)	33.189.134.444
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(64.173.762.851)	-	(20.569.476.787)	(84.743.239.638)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(1.705.282.387)	-	(803.735.839)	-	-	(2.116.226.419)	(4.625.244.645)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(221.943.514.624)	(221.943.514.624)
Ảnh hưởng do chuyển nhượng/hoài vốn tại các công ty con cho đơn vị khác ngoài Tổng Công ty	-	(3.218.912.488)	3.141.725.929	-	(1.673.361.879)	-	(468.091)	70.356.984.667	-	46.706.288.397	115.312.256.535
Ảnh hưởng do giải thê các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(2.350.538.008)	-	(5.041.324.743)	(7.391.862.751)
Ảnh hưởng do chuyển giao Cảng Nha Trang	-	-	-	-	-	-	-	131.726.766	-	(94.599.657.918)	(94.467.931.152)
Điều chỉnh khoản phải thu từ cổ phần hóa các công ty con sau khi quyết toán vốn	-	-	-	-	-	(78.704.002.961)	-	-	-	-	(78.704.002.961)
Lãi từ tiền gửi của quỹ	-	-	-	-	-	4.773.705.048	-	-	-	-	4.773.705.048
Lãi trả chậm từ khoản phải thu từ cổ phần hóa	-	-	-	-	-	11.102.313.070	-	-	-	-	11.102.313.070
Biến động khác (*)	-	19.750.141.484	-	-	(26.618.752.201)	-	73.124.557	(1.193.411.148.760)	-	(117.037.480.770)	(1.317.244.115.690)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	12.824.212.344.622	87.402.342.841	(5.033.094.004.858)	-	786.938.755.918	1.687.347.060.876	16.691.493.065	(5.040.669.919.534)	105.439.573.757	988.754.590.282	6.423.022.236.969

(*) Biến động khác thuộc lỗi lũy kế bao gồm 1.062 tỷ VND là giá trị khoản dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết của Tổng Công ty đã được hoàn nhập trong năm 2016.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là phân chênh lệch giữa giá trị tài sản được định giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị sổ sách tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định về đầu tư vốn Nhà Nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp của Bộ Tài chính, Tổng Công ty và các công ty con được trích tối đa 30% lợi nhuận chưa phân phối vào quỹ đầu tư phát triển.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	40.616.094.350	29.855.796.062
Trong vòng hai đến năm năm	128.065.912.570	300.739.843.940
Sau năm năm	282.382.674.812	175.060.150.795
	<hr/>	<hr/>
	451.064.681.732	505.655.790.797

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	25.353.812	576.229.542.555	21.290.342	473.399.641.049
EUR	30.285	722.454.727	28.299	691.668.135
SGD	-	-	788	12.608.406
		<hr/>		<hr/>
		576.951.997.282		474.103.917.590

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.502.927.733.425	1.368.821.138.287

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải và giao nhận	5.606.913.772.906	7.392.588.049.975
▪ Khai thác cảng biển và hỗ trợ cảng biển	4.223.001.884.043	4.172.941.326.454
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	75.245.719.173	65.993.077.916
▪ Kinh doanh xăng dầu	100.479.410.741	131.019.009.327
▪ Bán hàng hóa	4.371.304.238.833	4.470.153.511.533
▪ Khác	270.593.767.970	506.749.056.650
	14.647.538.793.666	16.739.444.031.855
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(221.476.700)	(293.396.425)
▪ Giảm giá hàng bán	(14.036.631.903)	(20.658.759.678)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(158.089.983)
	(14.258.108.603)	(21.110.246.086)
Doanh thu thuần	14.633.280.685.063	16.718.333.785.769

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải và giao nhận	6.378.344.834.653	7.215.891.446.113
▪ Khai thác cảng biển và hỗ trợ cảng biển	2.913.097.164.117	3.045.768.280.401
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	37.075.041.337	37.815.284.639
▪ Kinh doanh xăng dầu	101.252.891.591	132.944.099.925
▪ Bán hàng hóa	4.341.789.961.397	4.401.206.521.467
▪ Khác	862.829.548.691	497.009.766.652
	<hr/> 14.634.389.441.786	<hr/> 15.330.635.399.197

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi tiền gửi và cho vay	218.072.166.965	168.367.680.914
Cổ tức được chia	33.719.225.157	67.639.084.349
Lãi nhượng bán các khoản đầu tư	57.920.634.278	646.168.398.828
Lãi hoán đổi các khoản phải thu	-	404.219.371.999
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.025.848.821	75.571.343.085
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.748.166.929	25.964.969.387
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.274.405.211	17.256.573.230
	<hr/> 371.760.447.361	<hr/> 1.405.187.421.792

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	1.156.858.512.537	806.062.796.500
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	13.866.383.831	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.199.269.338	359.195.733.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	160.719.546.410	561.568.606.687
Dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn	4.274.421.150	71.138.937.727
Chi phí tài chính khác	4.745.695.868	16.331.144.733
Lãi chênh lệch tỷ giá do chuyển giao tàu 1730 TEU sang Bạch Đằng	-	(141.520.447.315)
	1.373.663.829.134	1.672.776.771.939

28. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	4.092.221.677	8.467.589.211
Chi phí hoa hồng	58.755.585.271	95.223.511.648
Chi phí quảng cáo	4.033.795.424	1.366.698.557
Chi phí bán hàng khác	12.965.062.184	20.425.724.708
	79.846.664.556	125.483.524.124

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên	598.432.170.916	575.482.403.679
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.543.000.129	25.276.024.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.917.359.368	27.048.693.596
Thuế, phí và lệ phí	9.377.115.312	17.426.063.883
Dự phòng phải thu khó đòi	62.082.085.541	4.395.984.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.207.012.209	99.011.293.532
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	13.483.710.657	13.683.636.009
Các chi phí khác	248.835.559.549	265.697.952.981
	1.069.878.013.681	1.028.022.052.841

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Thu nhập khác**

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con đã chính thức mở thủ tục phá sản (*)	488.851.370.316	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết (*)	1.062.080.414.304	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác (*)	10.398.953.561	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (*)	262.183.178.064	-
Thu nhập bán nợ (**)	942.884.614.233	998.991.182.346
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	46.416.553.906	80.503.905.641
Tiền thu từ thanh lý nguyên vật liệu	1.659.187.780	-
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	16.614.198.557	8.253.278.956
Chênh lệch giá trị con tàu và nợ vay phải trả khi xử lý	-	73.098.481.240
Nhiên liệu dư khi bàn giao tàu cho thuê	45.471.635	-
Các khoản khác	182.598.016.830	97.270.230.047
	3.013.731.959.186	1.258.117.078.230

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập các khoản dự phòng và các khoản dự phòng đã trích lập trước đó sau khi sử dụng để bù đắp tổn thất theo quy định hiện hành được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

(**) Thu nhập từ bán nợ thể hiện phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng đã quyết toán trong năm.

31. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	444.136.902.510	1.225.954.657
Xóa sổ tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.772.203.033	12.919.352.056
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	493.383.730	84.941.671
Phạt vi phạm thuế	4.485.374.740	3.726.280.249
Các khoản khác	39.386.825.718	347.069.484
	507.274.689.731	18.303.598.117

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.025.980.261.829	6.013.745.444.814
Chi phí nhân công	2.372.732.206.942	2.778.035.055.454
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.443.599.178.299	2.453.235.083.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.511.903.514.230	3.649.999.430.570
Chi phí khác	1.805.540.956.017	1.576.542.108.659

33. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	183.680.342.233	222.640.361.688
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(56.131.534)	6.382.427.356
	<hr/> 183.624.210.699	<hr/> 229.022.789.044
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời	19.566.836.998	17.585.026.235
	<hr/> 203.191.047.697	<hr/> 246.607.815.279

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016	2015
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	236.380.182.141	772.582.049.690
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	47.276.036.428	169.968.050.932
Ưu đãi thuế	(148.161.300)	(103.183.795)
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.438.133.852	46.270.150.114
Thu nhập không bị tính thuế	(5.796.497.948)	(14.880.598.557)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(56.131.534)	6.382.427.356
Ảnh hưởng của lỗ tính thuế được sử dụng	(355.970.775.673)	1.842.290.723
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận (*)	306.398.519.434	(53.180.806.978)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	199.049.924.438	90.309.485.484
	203.191.047.697	246.607.815.279

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận chủ yếu đối với lỗ lũy kế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 (2015: 22%).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty liên doanh, liên kết		
<i>Công ty Liên doanh Cảng Quốc tế Cái Mép</i>		
Doanh thu cho thuê đất	61.763.176.455	61.279.733.078
<i>Công ty Liên doanh Dịch vụ container Quốc tế Cảng SG SSA</i>		
Doanh thu cho thuê đất	70.431.043.854	63.863.776.570
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông</i>		
Doanh thu đại lý vận tải, giao nhận	20.278.505.000	38.117.258.601
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	4.302.000.000	4.507.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Gốc vay được miễn	10.119.080.211	19.366.388.412
Điều chỉnh giảm vốn đầu tư vào công ty con do định giá lại giá trị tài sản góp vốn	-	326.420.021.037
Bù trừ khoản vay ngắn và dài hạn bằng khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	505.566.474.593
Chuyển giao giá trị dự án Cảng Cái Cui	-	12.016.395.590
Chuyển giao gốc vay và dư lãi vay liên quan đến dự án Cảng Cái Cui	-	77.854.314.728
Chuyển giao tàu 1730 TEU sang Bạch Đằng	-	747.091.698.411
Chuyển giao tài sản để trả gốc vay	-	364.725.698.748
Góp vốn bằng tài sản	-	297.583.062.723
Xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	115.737.310.475	-

36. Số liệu so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh 1(d), trong năm, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	1/1/2016 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	1/1/2016 Đã điều chỉnh lại VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	877.386.364.379	2.022.578.455	879.408.942.834
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.099.897.854.861	885.789.829	1.100.783.644.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	522.485.303.455	1.079.402.032	523.564.705.487
Phải thu về cho vay ngắn hạn	84.698.463.311	(65.604.045.328)	19.094.417.983
Phải thu ngắn hạn khác	1.058.968.275.769	70.865.074.375	1.129.833.350.144
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(20.379.940.986)	(239.188.142.955)	(259.568.083.941)
Hàng tồn kho	489.965.263.301	(67.330.114)	489.897.933.187
Chi phí trả trước ngắn hạn	63.192.873.421	618.950.873	63.811.824.294
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	167.078.250.993	12.809.159	167.091.060.152
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	29.573.579.403	(53.480.000)	29.520.099.403
Phải thu về cho vay dài hạn	362.063.180.000	2.994.750.000	365.057.930.000
Phải thu dài hạn khác	58.759.993.299	39.627.500	58.799.620.799
Tài sản cố định hữu hình – Nguyên giá	37.238.539.691.375	479.426.648.072	37.717.966.339.447
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị hao mòn lũy kế	(19.867.134.973.522)	2.443.267.824.414	(17.423.867.149.108)
Tài sản cố định vô hình – Nguyên giá	683.711.024.126	(91.175.873.576)	592.535.150.550
Tài sản cố định vô hình – Giá trị hao mòn lũy kế	(112.395.304.438)	(397.725.529)	(112.793.029.967)
Bất động sản đầu tư – Nguyên giá	834.291.188.352	(251.373.624.236)	582.917.564.116
Bất động sản đầu tư – Giá trị hao mòn lũy kế	(139.647.845.394)	(38.804.287.153)	(178.452.132.547)
Xây dựng cơ bản dở dang	2.026.236.322.102	(58.951.467.582)	1.967.284.854.520
Đầu tư vào công ty con	317.257.836.983	171.593.533.333	488.851.370.316
Đầu tư vào các đơn vị khác	169.660.888.999	(331.850.877)	169.329.038.122
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(36.072.168.609)	(468.908.981.071)	(504.981.149.680)
Chi phí trả trước dài hạn	666.525.594.906	(32.409.161.044)	634.116.433.862

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	1/1/2016 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	1/1/2016 Đã điều chỉnh lại VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.071.909.619.862	1.078.636.437	1.072.988.256.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	98.042.326.676	2.575.010.836	100.617.337.512
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	117.870.597.241	(40.992.365)	117.829.604.876
Phải trả người lao động	503.030.876.169	(242.283)	503.030.633.886
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.490.193.850.805	191.837.133.102	3.682.030.983.907
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	69.863.471.694	686.978.401	70.550.450.095
Phải trả ngắn hạn khác	1.058.020.063.287	728.490.172	1.058.748.553.459
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	6.385.911.400.780	85.983.440.883	6.471.894.841.663
Phải trả dài hạn khác	1.276.777.037.678	24.745.705	1.276.801.783.383
Vay, trái phiếu phát hành dài hạn	11.078.087.232.960	54.823.482.618	11.132.910.715.578
Vốn góp	5.492.855.894.051	7.482.064.540.571	12.974.920.434.622
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.382.830.037.015	(6.419.065.767.802)	(5.036.235.730.787)
Quỹ đầu tư phát triển	190.787.902.311	516.511.019.914	707.298.922.225
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.236.854.587.135	511.468.999.311	1.748.323.586.446
Lỗi lũy kế	(3.346.273.301.214)	(489.051.176.509)	(3.835.324.477.723)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	73.893.208.352	31.546.365.405	105.439.573.757
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.464.280.767.573	(45.629.645.819)	1.418.651.121.754

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2015 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	2015 Đã điều chỉnh lại VND
Giá vốn hàng bán	15.304.569.152.141	26.066.247.056	15.330.635.399.197
Doanh thu hoạt động tài chính	1.354.462.045.724	50.725.376.068	1.405.187.421.792
Chi phí tài chính	1.324.868.904.874	347.907.867.065	1.672.776.771.939
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.034.763.249.865	(6.741.197.024)	1.028.022.052.841
Thu nhập khác	234.830.890.808	1.023.286.187.422	1.258.117.078.230
Chi phí khác	18.291.108.482	12.489.635	18.303.598.117
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.815.892.932	706.766.156.758	772.582.049.690
Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu công ty mẹ	(22.376.853.297)	706.766.156.758	684.389.303.461

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2015 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	2015 Đã điều chỉnh lại VND
Các khoản dự phòng	56.163.899.671	(6.741.196.741)	49.422.702.930
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	365.576.859.332	170.026.777.968	535.603.637.300
Lãi từ hoạt động đầu tư	(832.276.321.661)	(1.051.583.942.422)	(1.883.860.264.083)
Chi phí lãi vay	650.609.002.982	155.453.793.518	806.062.796.500
Biến động các khoản phải thu	(671.302.937.168)	(12.809.159)	(671.315.746.327)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(1.176.518.905.674)	11.478.652	(1.176.507.427.022)
Biến động chi phí trả trước	122.619.160.684	26.080.059.215	148.699.219.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	9.211.965.698	2.022.260.666	11.234.226.364

25-09-2017

Người lập:

Trần Thị Thanh Thủy
Kế toán tổng hợpLương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 1: Danh sách các công ty con cấp 1 được hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các công ty con chịu sự kiểm soát trực tiếp của Tổng Công ty và được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2016		1/1/2016	
			% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	65%	65%	65%	65%
2	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	93%	93%	93%	93%
3	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	75%	75%	75%	75%
4	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	81%	81%	81%	81%
5	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	51%	51%	51%	51%
6	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Vận tải biển	51%	51%	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	Vận tải biển	60%	60%	60%	60%
8	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Vận tải biển	51%	51%	51%	51%
9	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Đại lý hàng hải	51%	51%	51%	51%
10	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Kho bãi và đại lý hàng hải	51%	51%	51%	51%
11	Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Dịch vụ tiếp vận	60%	62%	60%	62%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	57%	57%	57%	57%
13	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Vận tải	60%	60%	60%	60%
14	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Vận tải	56%	56%	56%	56%
15	Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines	Sửa chữa tàu biển	94%	100%	94%	100%
16	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Vận tải biển	100%	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hàng Hải Hậu Giang	Dịch vụ tiếp vận	100%	100%	100%	100%
18	Công ty Cổ phần Vinalines Cảng Đình Vũ	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	51%	51%	51%	51%
19	Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	92%	98%	92%	100%
20	Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Kho bãi, bốc dỡ hàng hóa	99%	99%	99%	99%

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Phụ lục 2: Danh sách các công ty con cấp 1 được thanh lý, chuyển giao và giải thể trong năm 2016, Tổng Công ty đã ngừng hợp nhất thông tin tài chính của các công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày các công ty con này bị thanh lý, chuyển giao hoặc giải thể:

STT	Tên công ty	31/12/2016		1/1/2016	
		% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang	-	-	61%	61%
2	Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	36%	36%	51%	51%
3	Trường Cao đẳng Nghề hàng hải	-	-	73%	73%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Phụ lục 3: Danh sách các công ty con cấp 2 được hợp nhất

STT	Tên công ty	31/12/2016		1/1/2016	
		% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
I	Các công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn				
1	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	67,04%	94,09%	67,04%	94,09%
2	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	59,26%	90,54%	59,26%	90,54%
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	41,44%	63,31%	41,44%	63,31%
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	33,38%	51,00%	33,38%	51,00%
5	Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	33,66%	51,43%	33,66%	51,43%
II	Các công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng				
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	47,21%	53,75%	47,21%	53,75%
7	Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	55,54%	60,00%	55,54%	60,00%
8	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	92,56%	100,00%	-	-
9	Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	92,56%	100,00%	-	-
10	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	92,56%	100,00%	-	-
III	Các công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng				
11	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	-	39,13%	52,17%
12	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng	-	-	38,25%	51,00%
13	Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	-	-	45,00%	60,00%
IV	Các công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam				
14	Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển VOSCO (đã giải thể trong năm 2016)	-	-	51,00%	100,00%
15	Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển và Logistics VOSCO	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%
16	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải VOSCO	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%
17	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	-	-	51,00%	100,00%
V	Các công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế				
18	Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	-	-	51,00%	100,00%
VI	Các công ty con của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam				
19	Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	26,29%	51,50%	26,29%	51,50%
VII	Các công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh				
20	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	-	-	41,26%	51,00%
VIII	Các công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam				
21	Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	-	-	60,00%	100%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Phụ lục 4: Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc

STT	Tên công ty	31/12/2016		1/1/2016	
		% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư đường biển	100%	100%	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	51%	51%	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	100%	100%	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV CNTT Cà Mau	100%	100%	100%	100%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Phụ lục 5: Các công ty liên kết và công ty liên doanh của Tổng Công ty và các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Công ty liên kết, liên doanh	% biểu quyết	% sở hữu
1	Công ty Liên doanh Vận tải Quốc tế Nhật - Việt	50%	50%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	49%	49%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải & thương mại (Transco)	33%	33%
4	Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	25%	25%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Hàng hải Hải Phòng	37%	35%
6	Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	49%	49%
7	Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	50%	33%
8	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	21%	14%
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Hưng Phúc	30%	20%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Logistic Sài Gòn Bến Tre	20%	13%
11	Công ty Liên doanh Dịch vụ container Quốc tế Cảng Sài Gòn SSA (SSIT)	50%	37%
12	Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	23%	22%
13	Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	26%	24%
14	Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	36%	27%
15	Công ty Cổ phần HGH Logistics	39%	36%
16	Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	20%
17	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	24%	12%
18	Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	49%	13%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ cảng Hải Phòng	35%	33%
20	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	45%	34%
21	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vosco	46%	24%
22	Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	26%	16%
23	Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	36%	18%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Phụ lục 6: Các công ty liên kết ghi nhận theo giá gốc trong báo cáo tài chính hợp nhất do
Tổng Công ty không có thông tin tài chính:

STT	Tên công ty	31/12/2016		1/1/2016	
		% sở hữu	% biểu quyết	% sở hữu	% biểu quyết
1	Trung tâm Phát triển nhân lực hàng hải Đông Nam Á (đã giải thể trong năm 2016)	-	-	50%	50%
2	Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	28%	33%	28%	44%

25-09-2017

Người lập:


Trần Thị Thanh Thủy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán




Nguyễn Cảnh Tinh
Tổng Giám đốc

